

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày: 25-9-2023

*“V/v Tranh chấp
đòi lại tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Anh Huê

2. Ông Tường Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tài - Kiểm sát viên

Trong các ngày 19 tháng 9 và ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-TCDS ngày 07/12/2022 về “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS, ngày 05/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diệu L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt ngày 19/9/2023, vắng mặt ngày 25/9/2023.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị B; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2022, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Ngày 02/01/2020, bà và bà Dương Thị B có lập hợp đồng mua bán chuyển nhượng quầy bán hàng tại

chợ Xuân Hòa, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình với giá thỏa thuận là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau khi lập hợp đồng bà L đã chuyển tiền cho bà B đầy đủ, hai bên đã thỏa thuận mua bán xong. Sau đó, bà L và bà B đã lên UBND xã Quảng Xuân làm thủ tục, tuy nhiên do gặp nhiều vướng mắc và bà B không lên nên vẫn chưa xác nhận được của UBND xã Quảng Xuân. Bà B sau đó đã bán quầy này cho bà Lý và bà Lãi ở phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, bà L yêu cầu bà B phải trả lại số tiền cho bà L là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định từ ngày 02/01/2020 đến nay.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị L trình bày, giữa bà và bà Dương Thị B đã thỏa thuận, giao dịch về tài sản với hình thức chơi phường họ. Bà B nợ bà 01 suất phường với số tiền 35.000.000 đồng. Vì do không có tiền trả nên giữa hai bên đã thỏa thuận, lập hợp đồng mua bán, chuyển nhượng quầy bán hàng tại chợ Xuân Hòa, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình với giá thỏa thuận là 50.000.000 đồng. Nên bà yêu cầu bà Dương Thị B phải trả cho bà số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02/01/2020 trên số tiền gốc chưa trả đến ngày xét xử sơ thẩm tương ứng là 0,83%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của bà B, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã thực hiện tổng đạt cho phía bị đơn bà Dương Thị B. Bà B đã không đến Tòa án, không gửi bản khai, bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; đã không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với bị đơn bà Dương Thị B. Buộc bà Dương Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả. Buộc bà Dương Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị B phải thanh toán khoản tiền mà bà B còn nợ của bà L. Vì vậy, xác định đây là “Tranh chấp đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Dương Thị B đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Dương Thị B.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Giữa bà Phạm Thị L và bà Dương Thị B đã thỏa thuận, giao dịch về tài sản với hình thức chơi phường họ. Qua đó, bà B nợ bà L 01 suất phường với số tiền 35.000.000 đồng. Do không có tiền trả nên giữa hai bên đã thỏa thuận, lập hợp đồng mua bán, chuyển nhượng quầy bán hàng tại chợ Xuân Hòa, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình với giá thỏa thuận là 50.000.000 đồng. Hai bên có lập văn bản mua bán, chuyển nhượng quầy bán hàng. Tuy nhiên, giữa các bên không thống nhất được việc mua bán, thanh toán tiền và do bà B vi phạm nghĩa vụ nên bà L khởi kiện yêu cầu bà B trả khoản tiền nợ.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị L về khoản tiền yêu cầu bà B trả lại, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù giữa bà L và bà B có xác lập văn bản mua bán, chuyển nhượng quầy bán hàng với giá là 50.000.000 đồng, tuy nhiên xuất phát từ việc nợ tiền chơi phường họ nhưng không có tiền để trả nên bà B trả nợ bằng hình thức gán quầy bán hàng. Tiền nợ xác định là 35.000.000 đồng. Theo các chứng cứ, tài liệu thu thập được, lời khai của người làm chứng thì sau khi không thỏa thuận được việc mua bán quầy, bà Dương Thị B đã đến nhà bà Phạm Thị L trả 10.000.000 đồng và bà L đã nhận tiền, cầm tiền, điều này đã được bà L thừa nhận. Khi hai bên giao nhận tiền có bà T là người chứng kiến. Tuy nhiên, theo như bà L thì sau khi nhận tiền và bà B bỏ đi thì bà L đã rút túi đựng tiền ra ngoài, sau đó bà L đã ra kiểm tra để lấy túi thì không có tiền nên cho rằng bà B đã lấy lại khoản tiền này, điều này là không có căn cứ, không có cơ sở. Vì theo như lời khai của người làm chứng, ý kiến của bà B thì khi bà B đến nhà bà L đã đưa tiền cho bà L rồi rời đi luôn, bà L sau đó có rút tiền ra ngoài và đã ra kiểm tra tiền. Khi ra kiểm tra bà L nói không có tiền tuy nhiên điều này không ai xác định được, bà T là người chứng kiến cũng chỉ nghe bà L nói không có tiền còn việc bà L lấy tiền rồi cất đi hay không hay là ai lấy thì bà T không biết. Như vậy, xác định có việc bà L đã nhận tiền trả nợ của bà B trả nợ số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền này được trừ vào tiền gốc bà B nợ của bà L.

[3] Xét yêu cầu tính lãi và khoản tiền lãi phải trả của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà L thống nhất khoản tiền lãi được tính để bà B phải trả cho bà L chỉ tính trên số tiền gốc chưa trả là 35.000.000 đồng, thời gian được tính từ ngày 02/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023. Như đã phân tích tại mục [2.2], xác định bà Dương Thị B đã trả cho bà Phạm Thị L số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 05/6/2020 (ngày mà bà B thừa nhận), số tiền này được trừ vào tiền gốc 35.000.000 đồng mà bà B nợ của bà L.

Do vậy, thời gian được tính khoản tiền lãi trên số tiền gốc chưa trả của 35.000.000 đồng là từ ngày 02/01/2020 đến ngày 05/6/2020 là 05 tháng 03 ngày, với lãi suất tương ứng là 0,83%/tháng. Cụ thể là: 35.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 05 tháng x 03 ngày = 1.481.550 đồng.

Khoản tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc chưa trả còn lại của 25.000.000 đồng, thời gian từ ngày 06/6/2020 đến ngày 25/9/2023 là 39 tháng 19 ngày, với lãi suất tương ứng là 0,83%/tháng. Cụ thể là: 25.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 39 tháng x 19 ngày = 8.223.916 đồng. Tổng cộng số tiền lãi là 9.705.466 đồng.

[4] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, buộc bị đơn bà Dương Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L số tiền nợ là 34.705.466 đồng, bao gồm: tiền gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.705.466 đồng.

[6] Về án phí: Bà Dương Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà Phạm Thị L được Tòa án chấp nhận. Bà Phạm Thị L thuộc đối tượng người có công được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với bị đơn bà Dương Thị B.

Buộc bà Dương Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L số tiền là 34.705.466 đồng, bao gồm: tiền gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 9.705.466 đồng

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự”.

2. Về án phí: Buộc bà Dương Thị B phải chịu số tiền án phí là 1.735.000 đồng để nộp sung ngân sách nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực